TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày 24 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Dương Điềm;

Bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị H1 trình bày:

Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền hai lần như sau: Vào ngày 16/4/2014 nguyên đơn cho bị đơn vay 20 triệu đồng để về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/ tháng nhưng không ghi trong Hợp

đồng. Bị đơn không có thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay trên và hai bên có làm giấy biên nhân ghi ngày 16/4/2014. Bị đơn hẹn đến ngày 30/4/2015 sẽ trả hết gốc và lãi cho nguyên đơn. Tiếp đến, ngày 18/7/2014 bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 20 triệu đồng cũng để chi tiêu sinh hoạt gia đình, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Bị đơn không có thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay trên và hai bên có làm giấy biên nhận ghi ngày 18/7/2014. Bị đơn hẹn đến ngày 30/3/2015 sẽ trả hết gốc và lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ của hai khoản vay trên bị đơn không trả được cho nguyên đơn số tiền nào. Sau đó nguyên đơn có đi đòi nhiều lần thì bị đơn có nhờ em gái của mình trả được nguyên đơn 10 triệu đồng tiền lãi vào tháng 4 năm 2017 và đến tháng 4 năm 2019 bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn thêm 02 triệu đồng tiền lãi nữa, tổng cộng là 12 triệu đồng tiền lãi. Số tiền còn lại nguyên đơn tiếp tục đi đòi nhưng bị đơn không chịu trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 40 triệu đồng và tiền lãi phát sinh còn lại theo quy định của pháp luật..

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 26/7/2019 bị đơn chị Lê Thị H2 trình bày:

Vào ngày 16/4/2014 bị đơn có vay của nguyên đơn số là 20 triệu đồng để về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/ tháng nhưng không ghi trong Hợp đồng. Bị đơn không có thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay trên và hai bên có làm giấy biên nhân ghi ngày 16/4/2014. Bị đơn hẹn nguyên đơn đến ngày 30/4/2015 sẽ trả hết gốc và lãi nhưng khi đến hạn do không có tiền nên chưa trả được cho nguyên đơn số tiền nào. Tiếp đến ngày 18/7/2014 bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 20 triệu đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Bị đơn không có thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay và hai bên có làm giấy biên nhận ghi ngày 18/7/2014. Bị đơn hẹn nguyên đơn đến ngày 30/3/2015 sẽ trả hết gốc và lãi nhưng khi đến hạn do không có tiền nên bị đơn chưa trả được cho nguyên đơn số tiền nào. Sau đó nguyên đơn có đến đòi nợ nhiều lần thì bị đơn có đưa tiền và nhờ em gái của mình trả cho nguyên đơn được 12 triệu đồng tiền lãi và còn nợ lại tiền gốc. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 40 triệu đồng và tiền lãi phát sinh còn lại thì bị đơn đồng ý. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế gia đình bị đơn đang khó khăn, bị đơn đang còn phải nuôi con nhỏ và người chồng bị bệnh động kinh nên bị đơn xin được trả dần số tiền trên cho nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy vay tiền ghi ngày 16 tháng 4 năm 2014 và ngày 18/7/2014; Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn; Biên bản bàn xác minh hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày 17/9/2019 do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn chị Lê Thị H2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tiền gốc: Căn cứ vào các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của bị đơn tại Tòa án thể hiện vào 16/4/2014 nguyên đơn cho bị đơn vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/4/2015. Tiếp đến, ngày 18/7/2014 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay thêm số tiền 20.000.đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/3/2015. Nhưng khi đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về tiền lãi: Tại thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mức là suất là 2%/ tháng tương đương 24%/ năm là vượt quá mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 476 Bộ dân sự năm 2005 và không phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng vay là 9%/năm để xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

[3.1] Tiền lãi của số tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 16/4/2014 gồm: Lãi trong hạn từ ngày 16/4/2014 đến ngày 30/4/2015 = (20.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 12 tháng) + (20.000.000 đồng x 0,0375%/ ngày x 14 ngày) = 2.805.000 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 24/10/2019 = (20.000.000 đồng x 9%/năm x 04 năm) + (20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 05 tháng) + (20.000.000 đồng x 0,025%/ngày x 23 ngày) = 8.065.000 đồng.

[3.2] Tiền lãi của số tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 18/7/2014 gồm: Lãi trong hạn từ ngày 18/7/2014 đến ngày 30/3/2015 = (20.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 08 tháng) + (20.000.000 đồng x 0,0375%/ ngày x 12 ngày) = 1.890.000 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/4/2015 đến ngày 24/10/2019 = (20.000.000 đồng x 9%/năm x 04 năm) + (20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 06 tháng) + (20.000.000 đồng x 0,025%/ngày x 23 ngày) = 8.215.000 đồng.

[3.3] Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 2.805.000 đồng + 8.065.000 đồng + 1.890.000 đồng + 8.215.000 đồng = 20.975.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 12.000.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn lại là 8.975.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với mức 48.975.000 đồng x 5% = 2.448.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H1, buộc bị đơn chị Lê Thị H2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị H1 48.975.000 đồng (bốn mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), gồm: 40.000.000 đồng tiền gốc và 8.975.000 đồng tiền lãi.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn chị Lê Thị H2 phải chịu 2.448.000đ (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng)

theo biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2017/0014651 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định